TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HSPT
Ngày: 13-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh,** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Xuân Thanh,** Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 590/2024/TLPT-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo kháng cáo:

Trần Lê T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 9 năm 1986 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đăng kiểm viên bậc cao, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Đ1; trình độ học vấn: Lớp 12/12; Là Đảng viên Đ2 bị Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh Quảng Bình kỷ luật bằng hình thức Khai trừ (Quyết định số 65-UBKTĐUK, ngày 19/8/2024); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1, sinh năm 1960 và bà Lê Thị B, sinh năm 1964; Anh chị em ruột có 02 người, T là con thứ nhất trong gia đình; có vợ Trần Thị Hoài T2, sinh năm 1991; có 03 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2023 đến ngày 31/01/2024 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Lê T là Đăng kiểm viên bậc cao, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Đ1 thuộc Công ty TNHH D – Trường T4, địa chỉ tại xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Trong quá trình công tác, một số chủ phương tiện có nhu cầu cải tạo phương tiện, thay đổi thiết kế so với ban đầu đã liên hệ với T để hỏi về hồ sơ, thủ tục và được T hướng dẫn làm đơn nộp lên Phòng C1 Công an tỉnh Q xin phép cải tạo. Sau khi được Phòng C1 Công an tỉnh Q đồng ý cho phép cải tạo thì T yêu cầu các chủ phương tiện đưa phương tiện đến để T kiểm tra, chụp ảnh, đo thông số kỹ thuật, phương tiện cải tạo. T yêu cầu chủ phương tiện phô tô giấy đăng ký phương tiện, giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe ô tô giao cho T để làm hồ sơ. Hai bên thỏa thuận giá làm hồ sơ thiết kế, hồ sơ thi công cải tạo từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng trên mỗi xe, tùy theo từng phương tiện, sau khi phương tiện được nghiệm thu, kiểm định và cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo T mới nhận tiền. Trung liên hệ với Đặng Minh P – Phó giám đốc Công ty TNHH D1 có trụ sở tại thành phố Hà Nội và chuyển hình ảnh, thông tin phương tiện cho P để lập hồ sơ thiết kế, hồ sơ thi công cải tạo xe ô tô. Khoảng từ 10 ngày đến 01 tháng thì T nhận được hồ sơ thiết kế, hồ sơ thi công cải tạo xe từ P rồi giao cho chủ phương tiện để về tự thi công, còn các chủ phương tiện thi công cải tạo ở đâu thì T không biết. Sau khi thi công xong chủ phương tiện đưa xe đến Trung tâm đăng kiểm 73-03D để nghiệm thu, kiểm định theo quy định, nếu đạt yêu cầu T và đăng kiểm viên thứ hai là Trương Minh Đ ký vào biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, T cho chủ phương tiện hoặc lái xe ký vào mục đại diện cơ sở thi công. Sau đó T ký, cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo cho các xe ô tô. Từ năm 2020 đến năm 2022, Trần Lê T đã nhận tiền của các chủ phương tiện để làm hồ sơ thiết kế, làm khống hồ sơ thi công cải tạo xe và tiến hành nghiệm thu, kiểm định, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo cho 56 xe ô tô. Ngoài ra một số chủ xe đưa cho T cả tiền phí nghiệm thu, kiểm định, lệ phí cấp giấy, lệ phí sử dụng đường bộ để nhờ T nộp luôn cho Trung tâm đăng kiểm. Tổng cộng T nhận tiền từ các chủ phương tiện số tiền 557.166.000 đồng, trong đó tiền phí nghiệm thu, kiểm định, lệ phí cấp giấy, phí sử dụng đường bộ nộp cho Trung tâm đăng kiểm là 76.436.974 đồng. Như vậy, số tiền mà T nhận từ chủ phương tiện để làm hồ sơ thiết kế, làm khống hồ sơ thi công cải tạo xe ô tô là 480.729.026 đồng, trong đó Trung chuyển khoản thanh toán tiền làm hồ sơ cho Công ty TNHH D1 là 308.500.000 đồng, ngoài ra có 02 phương tiện Trung nhờ Nguyễn Thế K - Giám đốc Công ty TNHH C2 làm hồ sơ thi công với số tiền 400.000 đồng/02 xe, còn lại 171.829.026 đồng Trần Lê Trung thu lợi được.

* Đối với Công ty TNHH D1 (Công ty D1) do Lã Thu C đứng tên chủ sở hữu kiêm Chủ tịch của công ty, từ năm 2020 đến năm 2022, Công ty D1 đã tiếp nhận và làm hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo cho 56 phương tiện, với số tiền nhận

từ Trần Lê Trung là 308.500.000 đồng. Hành vi của Lã Thu C và các cá nhân liên quan đến Công ty D1 có dấu hiệu phạm tội "Nhận hối lộ" quy định tại Điều 354 Bộ luật Hình sự, theo sự phân công điều tra của Bộ C3, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Q đã chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến các cá nhân thuộc Công ty D1 cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H điều tra xử lý theo sự phân công.

* Đối với Nguyễn Thế K - Giám đốc Công ty C2: T nhờ Khảng giúp làm hồ sơ thi công cải tạo nghiệm thu cho 02 phương tiện ô tô BKS 73C-053.82 và 73C-076.94 trong tổng số 56 hồ sơ cải tạo phương tiện mà Công ty D1 nhận tiền của T để làm hồ sơ cải tạo. Khảng được T bồi dưỡng 400.000 đồng/02 xe, K không biết việc T nhận tiền của các chủ phương tiện để làm hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo nên không đồng phạm với T về tội Nhận hối lộ, K đã tự nguyện nộp lại số tiền 400.000 đồng khắc phục hậu quả nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với K.

* Đối với các chủ phương tiện, chủ doanh nghiệp vận tải hoặc người trung gian, một số người làm công ăn lương: trong vụ án này bản thân chủ phương tiện không biết, không nắm rõ quy trình, trình tự, thủ tục làm hồ sơ thiết kế thi công cải tạo, không nhận thức được việc đưa tiền cho Trần Lê T là thực hiện dịch vụ hay đưa hối lộ, động cơ, mục đích cải tạo phương tiện của các chủ phương tiện là để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của mình, không nhằm mục đích mua bán phương tiện hay làm dịch vụ, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

* Đối với Nguyễn Viết T3 – Nhân viên công ty P1 nhận số tiền 12.000.000 đồng từ chủ phương tiện BKS 73C-027.67 sau đó liên hệ với Trần Lê T đưa 9.000.000 đồng cho T để làm hồ sơ thiết kế, thi công, cải tạo phương tiện, hưởng số tiền chênh lệch là 3.000.000 đồng, có dấu hiệu phạm tội đưa hối lộ quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã tách hành vi và tài liệu liên quan của Nguyễn Viết T3 sang vụ án hình sự Nhận hối lộ tại Trung tâm Đ3 để khởi tố điều tra xử lý chung.

* Đối với Trương Minh Đ – Đăng kiểm viên của Trung tâm Đ1 cùng với Trần Lê T tiến hành đăng kiểm, nghiệm thu, kiểm định xe cơ giới, Đ không biết việc T nhận tiền của chủ phương tiện để làm hồ sơ cải tạo phương tiện, Đ không nhận tiền hay hưởng lợi ích gì từ T và chủ phương tiện nên không đồng phạm với T về tội nhận hối lộ.

* Đối với Công TNHH DV xe cơ giới D – Trường T4 không biết về hành vi của T, Công ty không hưởng lợi ích gì từ hành vi phạm tội của T nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân có liên quan thuộc Công ty.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Lê T đã phạm tội "Nhận hối lộ"

2. Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 354, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt: Bị cáo Trần Lê T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án nhưng được trừ thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2023 đến ngày 31/01/2024.

3. Về hình phạt bổ sung đối với bị cáo: Áp dụng khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Cấm bị cáo Trần Lê T đảm nhiệm chức vụ nhất định với thời hạn 01 năm sau khi chấp hành xong hình phạt chính.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 10 năm 2024, bị cáo Trần Lê T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử sơ thẩm, đã được cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không có ý kiến khiếu nại, kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu khác đã được tranh tụng tại phiên tòa nên đủ cơ sở để xác định:

Từ đầu năm 2020 đến năm 2022, Trần Lê T là Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Đ1 thuộc Công ty TNHH D - Trường T4 trên cơ sở nhu cầu cải tạo xe đã nhận tiền của các chủ phương tiện tổng số tiền 480.729.026 đồng để chuyển cho Công ty TNHH D1 làm khống hồ sơ thiết kế, hồ sơ thi công và tiến hành kiểm tra, cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo cho 56 xe ô tô không đúng quy định tại Thông tư số 85/2014/GTVT ngày 31/12/2014 của Bộ G1 quy định về cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ, trong đó Trung chuyển khoản thanh toán tiền làm hồ sơ cho Công ty TNHH D1 là 308.500.000 đồng (khoản tiền này Cơ quan điều tra đã tách ra và chuyển cho Cơ quan điều tra Công an thành phố H điều tra theo sự phân công Bộ C3) còn lại T hưởng lợi số tiền 171.829.026 đồng. Hành vi phạm

tội của bị cáo Trần Lê T đã cấu thành tội "Nhận hối lộ" với tình tiết định khung hình phạt "Của hối lộ là tiền..…trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng" và "Phạm tội 02 lần trở lên", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức về đăng kiểm xe cơ giới, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả đã giao nộp lại đủ số tiền hưởng lợi 171.829.026 đồng; bị cáo có thành tích trong công tác được tặng nhiều Giấy khen; tham gia cứu giúp người bị tai nạn giao thông và hoạt động thiện nguyện trong đợt dịch Covid-19, có ông nội và ông bà ngoại là những người có công được Nhà nước tặng nhiều H, Huy chương và Bằng khen, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là Đăng kiểm viên bậc cao, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Đ1 nhưng đã trực tiếp liên hệ nhận làm hồ sơ, trực tiếp kiểm định và ký cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, nhận tiền hối lộ với số tiền lớn, hành vi của bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, tuy không có tình tiết tăng nặng nhưng có hai tình tiết định khung tăng nặng nên cần được xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian . Do đó căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 2 năm tù về tội *"Nhận hối lộ"* là mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề và không cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, đúng quy định, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tham nhũng trong tình hình hiện nay.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm cũng áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn nhất định là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo có xuất trình tài liệu về hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, gia đình có công với nhà nước tuy nhiên các tình tiết này đã được cấp sơ thẩm xem xét và đã áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt như trên và không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Lê T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Lê Trung G nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 354, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Lê T 02 (hai) năm tù, về tội "Nhận hối lộ", thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án nhưng được trừ thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2023 đến ngày 31/01/2024.

3. Về hình phạt bổ sung đối với bị cáo: áp dụng khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự cấm bị cáo Trần Lê T đảm nhiệm chức vụ nhất định với thời hạn 01 năm sau khi chấp hành xong hình phạt chính.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Lê T phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo; kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Văn Hợp